

SỐ 2112

LUẬN CHÂN CHÁNH

Thời Tiên Đường, Sa-môn Huyền Nghi ở chùa Bạch Mã soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Công tử Trệ Tục hỏi tiên sinh Chân Chánh rằng: “Tôi lớn lên từ quê kệch điếc câm, tình chưa hiểu ở phương lớn, sinh ở cuối đời, tâm còn lầm mê với Lý thông. Từng rong ruổi trong thấy nghe, dùng dằng muốn đạp lên đường núi, trọn vẫn ngưng trệ mê lầm ở ngôn thuyết, ngưỡng tìm đường mà ngã vấp, tự ôm hoài lầm hoặc ấy đã thời gian lâu. Hy vọng có được chỉ Nam để thấu được phương Bắc vậy?”

Tiên sinh mới ẩn cơ mà đáp: “Tôi từ thuở nhỏ từng nghe Thi Lễ, lớn lên lại ưa thích phân tích, đam mê tập học có mấy năm, tìm xem không nhọc mệt. Mọi biên nghi của giản sách, viết chép của văn tự, chính hóa của Đế vương, giáo môn của phàm tục, không gì chẳng mong nung đúc rõ ràng, phải quấy biện lầm sai. Từ lâu tích chứa xét soi của Linh đài, hận không đo đấn khởi động tôi. Nay ông vặn hỏi nghi ngờ không mất lời nói vậy”.

Công tử quỳ mà nói vậy: Phàm, sách của ký sự, sử của nhiều đời, thuật cặn bả của người xưa, thật là cừ lô của Tiên vương, đó mới là đàm nói của Mạt tục, sao đủ để luận bàn! Đến như Phật Thích-ca để lại khuôn phép, Pháp vương diễn giảng giáo hóa vượt hẳn chín phái mà riêng bước, trải cả muôn kiếp mà xem cao. Ngôn tượng chẳng thuyên vức lũy ấy, ngu trí không trông nhìn mầm điếm đó, rục rờ như mồi cảnh chiếu sáng giữa trời xanh, mênh mông tợ chín bể nổi trên biển biếc. Đó mới là Thánh chỉ xuất thế, chẳng phải một vài đàm nói của

hàng sĩ bộc. Phàm, lập giáo của đạo từ xưa lại vẫn còn, viện dẫn từ sách của Hoàng đế, cho đến Điển của Bá vương, cốt yếu của tu thân trị nước, công khó kéo dài mạng sống tuổi thọ, khuôn phép lắng lùì thanh hư, đức hạnh mềm mại điềm đạm, dụng của Từ kiêm giới cương, khả năng bẻ bèn nhọn mở rối ren, thật có ích với phàm tình, hẳn không khuyết với thời đại chính cuộc nào. Từ gia đình đến hình luật nước, ước hẳn có nguyên do vậy.

Gần đây, từ thời nhà Ngô nhà Thục phân chia cương giới, nhà Tống nhà Tề nối tiếp trị vì, riêng lập Thiên Tôn, dùng làm giáo chủ. Căn cứ các kinh luận ấy biên ghi: “Thiên Tôn là Tông tượng của đạo pháp, ngôi vị cùng tốt của Huyền môn, chỗ kính phụng của trời người, nên xưng gọi là Thiên Tôn. Nguồn gốc có trước tạo hóa, đứng đầu cả âm dương, sinh thành đất trời, dưỡng nuôi càn khôn, muôn vật nhờ đó mà lập hình, ba thứ ánh sáng bảm thụ đó để thành tượng”. Căn cứ sự nêu bày ấy thì Thiên Tôn là trước cả đất trời. Tiên sinh học hơn cả Bông sơn, tài nghệ gồm cả Thạch thất, nói bàn gồm cả Nho sử, nhận biết rành rẽ sâu xa, gương sáng treo cao, hình vật đến soi hiện đó, Hồng Chung chờ đợi gióng dám ngoi lên hạ phong, xin phân quyết nghi ngờ sâu, ngõ hầu không mê lầm lại!”

Tiên sinh mới ngửa mặt lên trời mà than rằng: “Kẻ mê lầm như thế hẳn đông nhiều, nào chỉ riêng mình ông! Hãy ngồi xuống, tôi sẽ vì ông mà luận bàn đó.

Phàm, lập giáo của đạo phát xuất từ Hoàng đế cho đến thời Bá Dương, thật như điều ông nói. Còn về Thiên Tôn, hư vọng gì ư? Hư dối gì ư? Ông nên lắng nghe đó, tôi sẽ vì ông mà phân chiết biện rành. Phàm, ngoài vũ trụ chỗ ngôn từ bàn luận chẳng thể đến, người không thể biết được. Trong đất trời, nơi tai mắt ghé kịp, đều có thể nghiên tầm mà rõ ràng vậy.

Tôi mở xem sách sử, người xưa nêu bày dấu vết, giảng đọc biên ghi, mực bút lưu truyền đều thấy đó vậy. Nay sẽ vì ông mà căn cứ nơi sách sử, dựa vào Điển Ký mà nói đó. Căn cứ Chu Dịch Câu Mạng Quyết nói: “Trước lúc đất trời chưa phân, có Thái dịch, Thái sơ, Thái thủy, Thái tố và Thái cực, gọi đó là ngũ vận”. Xin giải thích rằng: Khí tượng chưa phân thì gọi đó là Thái dịch; nguyên khí mới nảy mầm gọi là Thái sơ; đầu mối của khí hình gọi là Thái thủy; hình biến có chất gọi là Thái tố; chất hình đã đầy đủ gọi là Thái cực. Năm thứ khí dẫn biến gọi là ngũ vận. Đó là nói về khí hình và chất đầy đủ mà chưa tương ly, đều gọi là Thái dịch, Thái tố v.v...

Lại căn cứ Dịch Vĩ Thông Quái nói: “Dịch có Thái dịch là sinh Lưỡng nghi, hơi khí trong sạch nhẹ nhàng nổi lên làm trời, hơi khí dơ đục nặng nề chìm xuống thành đất. Trời đất hòa hợp mà sinh ra người, đem người dự tham cùng đó, thì gọi đó là Tam tài”. Lại căn cứ Dịch Tự Quái nói: “Có đất trời muôn vật, sau đó lập nên vua tôi, định chế lễ nghi của cha con, vợ chồng, già trẻ, tôn ty trên dưới riêng biệt”. Trước Thái dịch, khí sắc chưa phân, hình tượng chưa hiển trước, tướng trạng lẫn lộn đắm chìm mờ mịt không hình trạng. Nhị nghi đã phán định, hình tượng đất trời đầy đủ, ba thứ ánh sáng đã rõ ràng, chất khí tượng hiện, âm dương giao hợp người mới sinh vậy. Từ đó về sau, Tam tài mới đầy đủ, đó đều là chỗ thuyên của thư ký như ngón tay trên bàn bày. Thiên Tôn nếu vốn không hình sắc tức cùng Thái dịch v.v... không khác, không được sinh trước ngũ vận. Nếu có hình sắc tức sinh tại trong Tam tài, không được trước Thái dịch. Vả lại, trước Thái cực không hình không tượng, Thiên Tôn chẳng nên có hình rõ ràng vậy. Nếu cùng đồng khí với Thái dịch, đến sau Thái cực cùng Tam tài đồng bẩm thọ hình mà sinh. Đó mới là chỗ sinh của âm dương đất trời, đâu có thể trước đất trời ư? Xin nghiên cứu lý ấy, hư thật rõ ràng, không đợi tìm xét nơi kinh sử’.

Công tử hoảng nhiên kinh sợ mà thưa: “Như lời đàm nói của tiên sinh thật là hư vọng, chỉ bởi tập tục chuyển dời lâu dài, xúc chạm đường, lắm rõ ràng, chỉ vì ngu không rõ, còn có lầm hoặc vậy. Lại xin nêu bày mối nghi ngờ, cúi mong chỉ bày dạy răn. Căn cứ các kinh Linh Bảo, v.v... của Đạo gia, không phải là không chứng cứ, đều là do Thiên Tôn giảng nói, pho bộ hiện còn đầy đủ. Nếu vốn không có Thiên Tôn, kinh giáo từ đâu mà có? Linh Bảo ghi chép sự tích rõ ràng. Kẻ hèn lại xin nêu bày, cầu mong một lần soi xét. Trong kinh nói: “Thiên Tôn ở núi Ngọc kinh tại Huyền đồ trời Đại la, hoặc đi đến trong rừng xanh trống rỗng, hoặc ngồi dưới trại cây gỗ, ở trên Tam thanh, gồm lớn hơn cả chín tiên, trăm linh châu hội, muôn phẩm thêm cấp với các thần biến kỳ dị”. Nêu bày đủ trong kinh văn. Nếu không ảnh hưởng, sao có thể được như vậy, lắm nhiều nghe cao, mong tạm giải thích điều nghi!”.

Tiên sinh mỉm cười mà bảo: “Ông sao ngưng trệ lầm hoặc quá lắm vậy? Tôi lại vì ông vạch bày xác quyết mà luận bàn, ông nên xét đờ. Phạm ngôn từ không thể phát ra bữa bãi mà phải y cứ ở Lễ kinh; bút mực không thể biên ghi đối vọng, mọi sự phải tuân theo điển tịch. Vậy biết Lễ kinh không biên ghi thì đều chẳng phải đàm nói của Nhã chánh. Điển tịch không thuyên giải, đều là điều nói sai lầm hư dối. Sách vở có thể kiểm nghiệm, đen trắng khó đối lừa. Giáo khác phương

ngoài, tích khác trong vức. Khảo xét sử sách đó như hình tượng đến nơi gương sáng; tìm cầu ở Đế tử, như quyền hành xác chuẩn vật, tự không ôm hoài vì văn xưa cũ chưa dung. Từ đời Viêm Hoàng trở lại, thư ký mới dần, mãi đến đời Hoàng đế Thiệu Hạo, triều Chuyên Húc Đế Khô, Quân Đường Ngu Nghiêu Thuấn, Hậu Hạ Võ Ân Thang, Chu Võ Tần Dương đã gián, Hán Ngụy Tấn Tống trở về trước. Trên từ Thượng thư xa vời, Tả truyện Tư Mã đổi thay sử ký, sách của Hoàng Phủ Mật, Đế Vương Kỷ, Vĩ Diệu Đồng Kỷ, Dương Hoa Bùi Giới, nhiều đời tương thừa tiếp nối, niên đại rõ ràng. Lớn không gì chẳng biên ghi, nhỏ chẳng gì không viết chép. Đế của thuyên nhượng chiến tranh, Hoàng của Thuần kiều bộ sậu, trưng bày của thần kỳ biến hiện, ứng của tai dị tốt lành, cảm thông của rồng phụng rùa rắn, tinh linh của cá miết Hủy Hổ. Cho đến cây đá kỳ quái, yêu quỷ ly kỳ, không gì chẳng biên ghi đầy đủ, sao riêng Thiên Tôn không rõ ràng việc ấy? Từ Thiên hoàng hậu vận, Đế nghiệp quyền hưng, cho đến Nhân hoàng niên đại lâu xa. Năm họ lấy đó làm tông bản, bảy mươi hai họ phái từ đó lưu xuất nhiều, đến có việc sào toại nhân, trải qua sáu kỷ chín mươi sáu đời, hơn một triệu tám mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi ngàn (1.082.760) năm, thời gian đó văn tự chưa sinh, tục còn thuần phác. Từ Thái Hoàng đến dòng họ Vô Hoài gồm mười sáu đời, cả thảy mười bảy ngàn sáu trăm tám mươi ba năm (17.683) năm số lịch ba kỷ bảy mươi hai thuyên. Từ dòng họ Viêm Đế Thần Nông cho đến con cháu Hoàng đế tiếp nối có mười tám đời, cả thảy một ngàn năm trăm ba mươi (1.530) năm, văn tự đã sinh dần có thể ghi rõ. Từ đó trở xuống, sử quan được thành lập, rõ ràng có thể xem thấy, đủ các phương sách. Nghĩa của Thiên Tôn vắng vẻ không nghe. Lấy đó mà suy, đủ để chứng minh là hư vọng, rõ ràng có thể nghiệm, nghi ngờ chỗ nào ư?”

Công tử nói: Tiên sinh biện luận như Huyền Hà, nhỏ ngôn từ liền chuỗi, vẻ sạch tâm linh, lắng tấy tai mắt. Tự có thể giấu tiếng đều dứt, xét lý thông suốt sâu mầu, mà nghi trệ cao sâu, không gì chẳng ít lầm hoặc, lại nhằm chán nghe cao, có thẹn nơi thâm. Lại xin được rõ ràng đó, mong được tỏ bày lăm mờ tối. Căn cứ giáo tích của Đạo gia, nghĩa chỉ rất nhiều, danh số pháp môn, sự lý không ít. Kinh có ba mươi sáu bộ, tên bao gồm cả ba động. Chữ ngọc, sách vàng, hòm bạc, dao oách, bút tía, túi đầy chu, đầy đủ có phô bày, đâu phải toàn hư dối vậy?

Tiên sinh bảo: Ông mê mờ ở gốc lại lầm hoặc ở ngọn, tôi sẽ vì ông luận bàn đầy đủ, chọn lược một ít thì có thể tỏ ngộ. Đạo kinh đều suy do Thiên Tôn giảng nói. Chủ giảng nói vốn tự nương cậy hư trống,

giáo tích thành có được ư? Da đã không thực còn lông vảy sao bám víu? Tuy có ba mươi sáu bộ nhưng đều là ngụy thư. Nhọc xứng ba động đều chẳng thật lục. Chữ ngọc sách vàng, trong ngụy sinh ra ngụy. Hòm bạc, từng ngọc dao, trong hư tạo dựng nên hư, tên gọi của bút tích đã là kiểu từ mà vọng lập, thuyết của túi chu, cũng giả trang sức mà không đề, nói việc tợ mê hoặc vong tình, vớ thật đủ làm hư vọng. Vả lại, kinh giáo của Đạo gia nói là Thiên Tôn thuyết giảng. Giáo chủ rất cục chẳng còn có, rõ ràng kinh không chủ có thể nói. Kinh đã không chủ thì nên tự hiểu là đầu mối hư ngụy. Nhỏ gốc bít nguồn, nào phải nhọc nói nhiều? Nay ông còn chưa tỏ ngộ, trọn đời vạch chiết luận bàn đó.

Đạo kinh xưng là có ba mươi sáu bộ, nghĩa ấy có nguyên do, tên gọi ấy phát xuất từ kinh Phật, Đạo sĩ nhân đó mà sáng tác, hàng dong tục ngu tình dùng tăng thêm làm thặng. Vì kinh Phật có mười hai bộ loại, mới thêm hai mươi bộ, tổng hợp thành ba mươi sáu bộ. Thấy Phật giảng nói pháp, mất tai v.v... sáu căn nhiễm trần nhân đó mà kết tội, bèn ở trên sáu căn mỗi căn lại mở sáu môn, sáu lần sáu là ba mươi sáu, nên nêu là ba mươi sáu. Xưng gọi tuy có tên đó mà trọn không có nghĩa đó. Trong mỗi bộ, sự lý trái bày, đó chẳng phải chỗ thuyết giảng của Thánh nhân, vọng tạo há có thể đều khít kín! Nên ba mươi sáu bộ ngụy vọng, có thể biết vậy.

Lại nữa, tên gọi của ba động lại phỏng theo ba tạng của kinh Phật. Ba động: Một là Động chân, hai là Động huyền và ba là Động thần. Đó gọi là ba động, động có nghĩa là thấu suốt sáng tỏ, tức nói tập học ba kinh ấy, sáng tỏ được đạo lý, nên gọi đó là ba động. Động chân là học Phật pháp kinh Đại thừa, thuyết giảng pháp, hiểu rõ thật tướng. Động huyền là giảng nói Lý nghĩa khế hợp chân. Động thần là các loại phù cấm chương tiếu. Nay khảo xét kinh văn ba động thì chỉ có Lão Tử hai quyển có phần nhỏ khế hợp với mục của Động huyền. Còn bộ Động chân tức là Linh bảo, kinh sơ đều là do đời gần đây, trong bốn triều đại Ngô, Tống, Tề, Lương, do các Đạo sĩ Cát Huyền, Tống Văn Minh, Lục Tu Tĩnh và Cố Hoan v.v... ngụy tạo, đều không điển thật. Còn một bộ Động thần là do Trương Đạo Lăng là người đất Thục ở cuối thời Hậu Hán tự nói là ở núi Nga my tu Đạo chứng quả, Lão Tử từ cung Tử vi giáng xuống trao cho Trương Đạo Lăng đảm nhiệm làm Thiên sư và thuật phú cấm chương tiếu sai gọi quỷ thần. Trương Đạo Lăng mới tự ngụy tạo Đạo kinh vài trăm quyển. Trong kinh nói về Trương Đạo Lăng cùng với Thiên Tôn giảng nói kinh. Kinh văn phần nhiều nói: Thiên sư bảo Đạo Lăng rằng: “Sau khi vua Võ Đế (Tư của Viêm 250-290) thời Tây

Bình trị thời Đông Ngô rồi, kinh pháp của Đạo Lăng mới lưu truyền đến Giang tả”. Tống Văn Minh v.v... mới ở trong các Ngụy kinh do Trương Đạo Lăng tạo ra mà sáng chế nghĩa sơ để giải thích đó, nhân đó lại tạo ngụy kinh để tăng thêm số lượng, tưởng trạng giả ngụy của ba động đủ để có thể biết vậy.

Chữ ngọc Kinh vàng; trong kinh nói: “Thiên Tôn ở Ngọc Kinh Huyền Đô giảng nói kinh xong, các trời chân nhân bện ngọc làm chữ để biên tả văn ấy”. Một thuyết khác lại nói, chữ ngọc là các trời viết tên, còn kinh vàng là khắc chạm vàng làm chữ. Nay các Đạo sĩ thọ pháp Chân Văn và từ Thượng Thanh ấy đều lấy chữ ngọc làm văn, chữ ấy tự như tiểu triện lại chẳng phải tiểu triện. Đạo gia minh chân hành đạo, ở năm phương trong đàn tràng, một phương thiết đặt một chân văn, văn ấy viết làm chữ ngọc. Tống Văn Minh v.v... viết theo lối chữ Lệ để dịch đó. Căn cứ tướng trạng ấy của Tống Văn Minh càng rõ ràng là chữ hư ngụy. Nếu chữ ngọc vốn do các trời Chân nhân viết nên, thì Tống Văn Minh là Đạo sĩ sống trong đời gần đây, chẳng dự hội giảng pháp, lại không giao tiếp tương quan với các Chân nhân kết tập kinh, làm sao Tống Văn Minh biết được chữ ngọc mà dùng lối chữ Lệ để phiên dịch? Tức rõ ràng chữ ngọc do Tống Văn Minh làm ra cải đổi thể chữ Lệ và đổi ngụy lập nên tên của chữ ngọc, do đó trở lại tự dùng lối chữ Lệ dịch chữ hư ngụy đó. Lấy đó mà xét nghiệm, rõ ràng biết được vậy.

Lại nói, hòm bạc từng ngọc dao thì, hòm là rương tráp đựng kinh, từng là tạng chứa đựng kinh. Ở đây nói kinh Thiên Tôn giảng nói trời người kính trọng nên dùng hòm bạc để chứa đựng cất giấu kỹ trong kho ngọc. Vì bạc và ngọc là quý nên dùng đó để chứa đựng kinh. Căn cứ hư từ đó đều là lừa dối. Chỉ thời đại của con người và ở Thiên cung, sự quý chuộng mỗi nơi có khác. Nếu dùng bạc ngọc của nhân gian làm vật trân quý ở Thiên cung, thì thanh sắc ở nhân gian có thể làm chỗ quý trọng cho chốn Thiên cung. Ngụy kinh vọng nói Bạc ngọc, sao là tài sắc chân thật, đối cảnh là đồng, đây kia có gì khác biệt, lập của cải phá sắc đáng, chưa biết nguyên do ấy thế nào?

Lại nói bút tía, túi chu. Đó lại hư ngụy, chỉ khởi xưng của bút phát xuất ở thời sáu nước, do Mông Điền người thời nhà Tần mới bắt đầu tạo bút. Từ thời nhà Tần trở về trước đều vót cây gỗ mà viết chép, hoặc gọi đó là Tạm, hoặc gọi đó là Trác, hoặc gọi đó là Cô, nguyên không gọi là bút. Há có Thiên Tôn đã xưng làm bút? Huống gì năm sắc chẳng phải thật, sáu trần đều hư giả. Mê lầm tâm chấp buộc vọng lấy làm sắc, ở nơi Hiền thánh vốn không thấy vậy, Tống Văn Minh v.v... lấy son tía là

chỗ quý trong thế tục dùng để trang sức tên của Thiêm Đề. Vả lại, Túi (Thao) vì phỏng theo sáu túi vọng trận hiệu Binh thư của Thái Công, là tên gọi khác của sách thế tục, mục khác của Binh chỉ, chẳng lia cảnh trần lao, mới đắm chìm trong dòng sinh tử, nói sự tợ danh xưng tốt đẹp, xét Lý toàn là vết tích đối Ngụy”.

Nghe Tiên sinh nói như thế, Công tử tâm mê mang, chỉ rối loạn, chẳng biết làm sao, mới nói với Tiên sinh rằng: “Cúi nghe lãm miệng vàng sáng, tích chứa hủy hoại tiêu cốt. Tiên sinh bàn luận đó, không là thật ư? Chưa giải được điều nghi, lại xin giải thích tiếp. Trong kinh nói: “Sắc mây rắng sáng kết tụ giữ hư không thành chữ, khói ùn sương móc nhỏ giọt kết khí thành văn, rộng rãi tám góc, chữ vuông một trượng”. Linh bảo hiển bày rõ đủ, là chỗ lầm hoặc ư?”

Tiên sinh bảo: Người tình tệ chấp khó đổi thay, người tánh minh xác dễ tỏ ngộ. Phàm ông chìm đắm chết đi mà chẳng trở lại, chẳng tư duy mình lầm hoặc, lật lại chỗ thấy đặt để nghi ngờ. Ông xét nghe đó, tôi vì ông thuật, ý chỉ kinh ấy từ lâu đã rõ hiểu. Bởi mở đầu chân văn vốn là ngụy lạm, hiển bày Linh bảo là dấu vết hư vọng. Đã nói Thiên Tôn đầu mỗi ngậm một hơi khí, bao gồm mới đầu của Lương nghi, sinh hóa vật tượng, mang dưỡng các hình. Nói kinh chẳng giá không nghe, tạo chữ nào suy hơi khí kết. Đó là do Tống Văn Minh ngụy tạo nhân văn, đối lập tướng trạng duyên khởi, mới nói Thiên Tôn cảm hơi khí của mây rắng tụ kết thành văn, chữ vuông một trượng, tức mong khác sách của phàm tục; rộng rử tám góc, tức dùng khác thể của lối chữ Lệ chữ Triện. Nếu vậy thì chân văn ấy nên thấy ở Hạ phương đây để kính ngộ phàm tục phải hiện bày tướng trạng Linh dị, còn Chân văn ấy nếu ở Thượng phương nơi Thiên Tôn Đô hóa, nào cần văn ấy rộng lớn, để bày dấu vết hư đối quái lạ? Nhọc trình bày luận của Hải Táo, thà tư duy hư vọng của Đa giác. Đó lại là đối ngụy vậy”.

Công tử nói: “Văn của chữ ngọc kết hơi khí giữa hư không, đã nói là hư đối, thật như chỗ nói. Còn trời Đại La cảnh Huyền đô, ngọc kinh nhà tiên cửa vàng cung trời, rừng báu không thanh, cây linh trại mộc, Tam thanh thượng giới, cửu Tiên linh phủ, các hàng đạo tục đều thuyên giải, há đều chẳng thật ư?”

Khi ấy, Tiên sinh mỉm cười mà bảo: “Vừa muốn vì ông mà nói đó, ông quả có thấy hỏi, nay sẽ vì ông nêu bày đầy đủ hư vọng ấy. Xét Linh Bảo, kinh đối ngụy nói: “Có ba mươi hai tầng trời, trời đó từ dưới mà lên trùng điệp xếp đặt đó. Từ dưới thấp tầng thứ nhất là trời Thái Hoàng Hoàng Hoàng Hội, thứ hai là trời Thái Minh Ngọc Mạo, thứ ba

là trời Thanh Minh Hà Đồng, thứ tư là trời Huyền Thai Bình Dục, thứ năm là trời Nguyên Minh Văn cử, thứ sáu là trời Thượng Minh Thất Diệu, thứ bảy là trời Hư Vô Việt Hành, thứ tám là trời Thái Cực Mông Ế, thứ chín là trời Xích Minh Hòa Dương, thứ mười là trời Thượng Chân Huyền Minh, thứ mười một là trời Huy Minh Phong Phiêu, thứ mười hai là trời Trúc Lạc Hoàng Già, thứ mười ba là trời Hư Minh Đường Huy, thứ mười bốn là trời Quán Minh Đoan Tĩnh, thứ mười lăm là trời Huyền Minh Cung Khánh, thứ mười sáu là trời Thái Hoán Cực Dao, thứ mười bảy là trời Nguyên Tả Khổng Thăng, thứ mười tám là trời Thái An Hoàng Nhai, thứ mười chín là trời Hiến Định Cực Phong, thứ hai mươi là trời Thủy Hoàng Khảo Mang, thứ hai mươi một là trời Thái Hoàng Ông Trọng, thứ hai mươi hai là trời Nguyên Tư Giang Do, thứ hai mươi ba là trời Thượng Phác Nguyên Lạc, thứ hai mươi bốn là trời Vô Cực Đàm Thế, thứ hai mươi lăm là trời Hạo Đình Tiêu Độ, thứ hai mươi sáu là trời Uyên Thông Nguyên Động, thứ hai mươi bảy là trời Thái Văn Hàn Sùng, thứ hai mươi tám là trời Thái Tố Tú Lạc, thứ hai mươi chín là trời Thái Hư Vô Thượng, thứ ba mươi là trời Thái Thích Đằng Thắng, thứ ba mươi một là trời Long Biến Phạm Độ, thứ ba mươi hai là trời Thái cực Bình Dục”.

Cần trọng xét về ba mươi hai tầng trời của Đạo gia, lược không có tên hiệu của Đại La, tức rõ ràng vốn không có trời Đại La. Đó lại là vọng tạo, thì ba mươi hai tầng trời ấy đều là ngụy lập. Cớ sao biết thế? Nay y cứ trời thứ hai mươi bốn tên Đàm Thế, trời thứ ba mươi một tên là Phạm Độ, trộm tìm hai chữ Phạm Đàm, tại xứ này trước kia vốn không, Ngọc Thiên thuyết văn tự lâm tự đều trọn không chữ ấy. Hai chữ Đàm Phạm vốn rút từ kinh Phật, cùng người khác phiên dịch, hạng không thấy tạo dùng thuyên giải âm của Thiên Trúc, diễn thuật ý chỉ của Thích-ca, ở phương này trước vốn không chữ đó. Về sau, Cát Hồng đến trên kinh Phật ghi lục chữ Phạm, lược dạy răn dùng làm Tịnh Lục (đất sạch), pháp ngôn nhân đó chọn đưa vào Thiết vận. Nếu Thiên Tôn giảng nói kinh Linh Bảo v.v... trước khi Phật pháp lưu truyền đến phương Đông thì chữ ấy chưa tạo, cớ sao tên trời dự dùng? Còn nếu sau Phật pháp lưu truyền tức là trộm lấy kinh Phật, gần đây mới ngụy tạo, tiến lùi không bằng cứ. Dấu vết hư ngụy rõ bày, tên của Đại La, thật thuộc loại ấy, xét nghiệm một tiết đó, phô bày cả ba góc.

Lại nữa, Huyền Đô Tiên Cung, Ngọc Kinh Linh Trụ, căn cứ trong kinh nói: “Huyền Đô là tên cung ở trên núi Ngọc kinh, cửa vàng (kim khuyết) là tên cửa ở cung Huyền Đô”. Tìm xét tông chỉ, hư vọng lại

rõ bày. Vả lại, Đạo pháp là giáo của phương này, Thiên Tôn là Thánh nhân ở cõi này, thuyên giảng giáo hóa chẳng ở ngoài phiên, ở chỉ hợp tại đất này. Từ theo văn tự trở lại, cảnh vực của Đế vương, trên từ đời Hiên Hoàng, dưới đến triều Cơ Chu, phía Đông chẳng vượt quá Thần hàn, phía Tây chưa qua Đại hạ, phía Nam mới tới Tượng quận, phía Bắc còn hạn cục ở Nhạn môn. Trong đó, rộng hẹp cơ thể biết, xa gần còn ở đó. Lại căn cứ Cửu Châu ký, Tứ Di truyện, Địa Lý Chí, Dư Địa Chí, Quát Địa Chí, cấp gia thư đều không thành lũy của Ngọc Kinh Huyền Đô. Không biết Thiên Tôn ở xứ nào mà giáo hóa. Nếu ở trên các cõi trời, thì trên trời và trong loài người cảnh giới toàn riêng biệt. Chẳng chỉ có dơ sạch có khác mà rõ ràng ngữ ngôn cũng chẳng đồng, đến như văn tự còn đẹp. Việc ấy cách biệt xa vời, chỉ có đất trời nhật nguyệt núi sông, vàng ngọc châu bối rừng chằm núi đá v.v..., đồng nghiệp cùng cảm, vọng tình khởi chấp có quý tiện sang hèn. Ở trên trời mới đầu không các việc ấy dùng theo nhân gian vọng chấp vàng ngọc trân quý, dùng nêu tên của Tiên đô Tiên khuyết, nhục gọi là Thánh nhân, nhận định chẳng đồng đó. Đó lại là hư dối vậy, chỉ có ngôn từ của Phương vực, tùy xứ mà cải cách, chỉ trong vòng muôn dặm âm chỉ còn chẳng thông, huống gì ở trên trời hẳn khác thanh vận.

Giả sử có Thiên Tôn thật ở trên núi Ngọc kinh giảng nói pháp, trọn nhờ người lưu truyền mới đến phương này, lại phải phiên dịch mới có thể lưu hành. Nghiệm xét thì không thấy có người truyền kinh, lại không chỗ phiên dịch. Giả sử lời kinh là âm từ của xứ này, hẳn phải đợi người truyện được đến nước này. Sau khi Thiên Tôn giảng nói kinh phải có môn nhân gom góp ghi, giáng từ trên trời truyền xuống đời dưới, phát cảnh ưu thắng của Huyền Đô, đến Thần châu của Xích huyện, thuyên giải Linh văn của ba mươi sáu bộ, diễn giảng khoa cách của mười hai phẩm. Việc của nhân gian thật là trang quán, cố sao sử sách bỏ sót mà chẳng biên ghi? Phàm là hữu tình, biết đó không thể. Đó lại là hư vọng vậy.

Lại nữa, rừng không thanh, cây trại mộc, chỗ mà Tam nhã chẳng biên ghi, nơi Cửu khâu chưa rõ biết, đối bày Dị Danh, mong khác vật tục. Chỉ có kinh Linh Bảo nói, trọn không điển kỹ đáng y cứ, mọi sự đồng như soi xét hư không, ngôn từ tựa như bất bóng. Đó lại là hư dối vậy. Lại nói, trời của Tam thanh, phủ của Cửu tiên, càng thêm dấu vết nguy bày lại lấm Hư tông. Xét kinh Linh bảo nói tên trời Tam Thanh lại đồng như trước đã nói, trên dưới an đặt đó. Dưới gọi là Thượng Thanh, giữa gọi là Thái Thanh, trên gọi là Ngọc Thanh. Ba Thanh ấy là ba trời

dàn trải dưới trời Đại La mà trên ba mươi hai tầng trời.

Xin giải thích rằng: Trời Ngọc Thanh là nơi Thiên Tôn ở, trời Thái Thanh là nơi Đại Đạo Quân ở, trời Thượng Thanh là nơi Lão Tử ở. Căn cứ vào giáo mà suy tìm, lại thành hư ngụy. Kinh Linh Bảo xếp bày ba mươi hai tầng trời, ngôi vị của trời đã định trước. Nếu thêm ba Thanh và Đại La, thì có ba mươi sáu tầng trời, không hợp chỉ có ba mươi hai ngôi vị. Đó lại là không thể vậy. Nếu ba Thanh và Đại La là trong ba mươi hai tầng trời, thì ba Thanh và Đại La là biệt hiệu, thì xếp bày tên ba mươi hai tầng trời số mục hợp nêu. Còn tên của Biệt hiệu, kinh không xưng gọi riêng, rõ ràng chẳng phải số của ba mươi hai tầng trời. Đó lại là hư dối vậy. Lại kinh ấy xưng là do Thiên Tôn giảng nói. Chủ giảng nói nguyên từ hư cấu, nhọc có tên của Tam Thanh, vốn không Thiên Tôn đáng lập, cảnh của Ngọc Thanh lại là hư vọng luận bàn. Chỗ xưng gọi Đại Đạo Quân, thì Đạo là Lý của hư không, nghĩa là không có vật, Thái thượng Đạo Quân đâu đáng có hình tượng, lại không thể lập trời của Thái Thanh. Đó lại là hư dối vậy. Lão Quân rong xe đến Tây Vực, không nguyên do lên trời, đối nêu ngôi vị của Thượng Thanh, sự việc đồng như thuyết buộc gió. Vài ba hư vọng, dấu vết ngụy bày càng rõ. Sở dĩ nói Cửu tiên, căn cứ trong kinh nói: “Tiên có chín đẳng, đẳng cấp sai giảng vì nêu ngôi vị ấy”. Thiên Tôn nếu ở và lớn lên trong đó, chẳng vượt ngoài loại Thần tiên, trong truyện Thần tiên cơ sao không ghi chép? Giả sử như vậy là thật, tức chưa khởi sinh tử, trọn sẽ bị kiếp lửa thiêu đốt. Chẳng vào ngôi vị chứng thánh, rốt cùng tướng trạng hư ngụy đó tức hạng ấy vậy”.

Công tử nói: “Vườn biện luận tiên sinh mở rộng, ngôn từ tinh ba sáng ngời mờ đầu lưỡi, suối ngôn từ trút đổ rót văn chảy xiết ở đầu mỗi nói bàn, như ánh sáng cảnh xuân chiếu tan băng tuyết, tợ gió thu vút thổi lá nguy ách. Biện luận tức là biện luận, nghi ngờ vẫn còn nghi ngờ. Căn cứ kinh Linh Bảo Độ Nhân nói: “Thiên Tôn ở chốn Bích lạc Không ca Đại phù lê trong cung trời Thủy Thanh”. Đó tức là chỗ ở có chứng cứ, giảng nói pháp không nghi ngờ, trời Thủy Thanh hiển nhiên, cung Bích lạc rõ ràng. Không ca là nêu về cảnh xưng đó, còn Phù Lê là tên xứ ấy. Cơ sao cao luận đều bài bác, cho là hư ngụy?”

Tiên sinh mới vỗ tay cười lớn mà bảo Công tử rằng: “Nghe một biết mười, Nhan Hồi được xưng ở Khổng Phụ; sáng ba chiều bốn, Thư Công đem phần hận đến Trang sinh. Ngày trước tôi lấy làm quái lạ mà nay tin đó vậy. Vả lại, trời Thủy Thanh cùng với Đại La nào khác? Hiệu Bích Lạc so với Thượng Thanh đâu khác? Trước đã xưng ngôn,

nay lại đặt để lầm hoặc. Căn cứ trong ba mươi hai tầng trời, không có danh xưng của Thủy Thanh, ngôi vị của Tam Thanh, không có cảnh của Phù Lê, đặt để ngôi vị sâm sai, thủy chung trái lầm, chỉ trên các đều là người trời. Trời trong cõi Dục, nam nữ sống xen tạp, tuy có việc dục nhưng nặng nhẹ chẳng đồng. Từ trời cõi Sắc trở lên không có nữ, chỉ riêng nam, tu nhân bốn vô lượng tâm mới cảm quả đó, đều không thật có đất đai, chỉ do các vật báu hợp thành. Nay nói đất đai Phù lê, sao xa vời gian dối, tướng trạng hư ngụy? Tham xét chiêm nghiệm có thể biết đó, từ tình ông mê hoặc, chẳng phải tôi biện giải sai lầm”.

